

Tập 3

Xin xem dòng thứ tư trong trang mười bảy:

“Sở ngôn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, Phật thị sở quán thắng cảnh. Cử chánh báo dĩ thâu y quả, thuật hóa chủ dĩ bao đồ chúng. Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu; cố vân Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” (Nói “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” vì Phật là cảnh thù thắng để quán. Nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói đến Phật liền trọn đủ. Vì thế nói là “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật”). Tựa đề kinh có Thông và Biệt. Cái được gọi là Biệt Đề chính là chỗ khác biệt với những kinh khác. Thông Đề thì hết thấy các kinh đều giống nhau. Chữ Kinh tiếp đó chính là Thông Đề, còn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật trước đó là Biệt Đề. Ở đây nói “Phật thị sở quán thắng cảnh” (Phật là cảnh thù thắng để quán), “Phật” ở đây là Vô Lượng Thọ Phật, “cảnh” (境) là cảnh giới, “thắng cảnh” (勝境) là cảnh thù thắng nhất. Trong phần trước, chúng ta đã biết nguyên do quán Phật và công đức quán Phật. “Chánh báo” (正報) là thân Phật. Chúng ta quán Vô Lượng Thọ Phật tức là đã bao gồm thế giới và hoàn cảnh sống của Vô Lượng Thọ Phật. “Hóa chủ” (化主) là giáo chủ, cũng là thầy. Nhắc tới thầy, đương nhiên cũng bao gồm các học trò của Ngài. Thế giới Cực Lạc giống một ngôi trường đại học, Vô Lượng Thọ Phật là hiệu trưởng, những người khác đều có thể nói là học trò của Ngài. Các pháp Quán tuy nói đến mười sáu loại, nhưng hễ nói “Phật” thì mười sáu phép Quán đều được bao gồm. “Châu” (周) là trọn hết, toàn bộ đều được bao gồm. Do đó, tựa đề của kinh này là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. “Kinh giả, huấn pháp, huấn thường, do thánh nhân kim khẩu, cố vân Kinh dã” (Kinh là dạy về pháp, dạy về lẽ thường, xuất phát từ miệng vàng của thánh nhân, nên gọi là Kinh). Đạo tràng của chúng ta giảng kinh quanh năm không gián đoạn, những phần giống như Thông Đề có thể tinh lược, có thể chẳng cần nói!

Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo: “Thử kinh nghĩa sớ, nhân hy tịnh báo, cố thuyết thính giả đa hỹ” (Sớ giải ý nghĩa kinh này, do người ta mong mỏi tịnh báo, nên người nói, kẻ nghe đông đảo). Đối với kinh này, Nghĩa Sớ là chú giải do Trí Giả đại sư soạn, vì người tu hành đều mong cầu sanh về Tịnh Độ, nên bản chú giải này là bộ sách vô cùng quan trọng để tu Tịnh Độ. Vì thế, người giảng nhiều, người nghe cũng đông. Kinh này giảng cặn kẽ y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương; vì nêu không nói tỉ mỉ, chúng ta chẳng thể nào quán tưởng được, ắt cần phải nói rõ ràng, tường tận, tỉ mỉ phương pháp tu hành. Vì thế, người thật sự phát nguyện, mong cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, nói thật ra, chẳng thể nào không biết đến. Mấy câu này nhằm nói rõ vì sao phải viết chú giải. Tiếp đó: “Sở bân Bảo Vân sư thủ chế ký văn, tương duyên chí kim, trước thuật bất tuyệt, giai tông Trí Giả” (Nhờ có thầy Bảo Vân ghi chép đầu tiên, truyền mãi đến nay, trước thuật chẳng ngừng, đều noi theo ý chỉ của ngài Trí Giả). Câu này nói về sự thừa; nếu chẳng có sự thừa, chẳng thể khiến cho kẻ khác tin tưởng. Trung Quốc và Ấn Độ hết sức coi trọng sự thừa.

Những gì quý vị đã học là do học với ai? Điều này rất trọng yếu. Không như hiện tại, người hiện thời chẳng coi trọng sư thừa cho mấy! Mỗi người đều có thể tự lập một trường phái, thời cổ chẳng có chuyện ấy!

Chúng ta đọc Đản Kinh sẽ thấy chuyện thiền sư Vĩnh Gia. Ngài Vĩnh Gia là một người vô cùng thông minh, gặp gỡ ngài Huyền Sách. Ngài Huyền Sách nhận biết Sư là một nhân tài, khuyên Sư phải tìm một bậc cao minh để ấn chứng, tức là chứng minh cho Sư. Người chứng minh cho Sư sẽ là thầy. Nếu không có ai chứng minh, nói chính mình học thành công, ngài Huyền Sách nói: “*Nói theo Phật pháp, trước thời Oai Âm Vương thì có thể. Sau Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa, đều là thiên nhiên ngoại đạo*”. Chư vị hãy nghĩ xem, chuyện này rất nghiêm trọng! Vì thế, Ngài bèn khuyên Sư đến Tào Khê thân cận Lục Tổ, bái Lục Tổ làm thầy, tức là có truyền thừa. Ngài Vĩnh Gia thật sự thông minh, đến gặp Lục Tổ nói mấy câu liền khế nhập cảnh giới. Đã được tổ sư ấn chứng, Ngài chuẩn bị rời khỏi. Lục Tổ đại sư nói: “Ông chẳng cần đi gấp như vậy, hãy nghỉ lại một đêm. Ngày mai hãy đi thi hơn”. Vì thế, đêm Sư ở lại Tào Khê được gọi là Nhất Túc Giác (giác ngộ trong một đêm), “*nhất túc*” (一宿) là trong một buổi tối, Ngài liền khai ngộ, liền giác ngộ, cũng là chứng tỏ lời cổ nhân đã nói: “*Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*” (Một ngày là thầy, suốt đời là cha). Vì thế, sư thừa chẳng nhất định là phải ở cùng thầy bao lâu, được thầy chỉ điểm, chính mình thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vậy là đủ rồi!

Sư thừa của bản chú giải này là từ ngài Bảo Vân. Trong chú giải có nói ngài Tứ Minh được bảm thụ pháp từ pháp sư Bảo Vân¹. Ngài Bảo Vân là người xứ Cao Ly, tức là người Đại Hàn, khai ngộ trong hội của Trí Giả đại sư. Ngài đến Trung Quốc du học, sau khi đã ngộ, muốn trở về, quay về nước mình để hoằng pháp, nhưng về sau bị các đồng tu bên Trung Hoa giữ lại. Ngài nói Phật pháp chẳng có giới hạn chủng tộc, mà cũng chẳng có giới hạn quốc gia, ở đâu có duyên thì đến đó hoằng dương, cần gì cứ phải nhất định trở về nước mình! Do đó, Ngài

¹ Ngài Bảo Vân là tổ sư đời thứ mười sáu của tông Thiên Thai, pháp hựu Nghĩa Thông, pháp tự Duy Viễn; do về già Ngài trụ tại chùa Bảo Vân nên thường gọi là Bảo Vân Sư. Ngài người xứ Cao Ly, họ Y. Tướng mạo trang nghiêm dị thường, đỉnh đầu có nhục kế, giữa hai mày có tướng bạch hào, nếu kéo duỗi ra sẽ dài đến năm sáu tấc. Lúc nhỏ, Sư xuất gia tại Quy Sơn Viện, sau khi thọ Cụ Túc, bèn học Hoa Nghiêm và Khởi Tín Luận, được cả nước Cao Ly tôn kính, ngưỡng mộ. Sau đó, Sư sang Trung Quốc tham học với ngài Vân Cư (Thiền Quốc Sư) có chỗ khế ngộ. Sau đây, lại tham yết ngài Loa Khê nghe yếu chỉ Nhất Tâm Tam Quán bèn than: “*Cái học viên đốn ắt phải thấu triệt ở nơi đây*”, bèn ở lại theo học. Lâu sau, danh tiếng vang lừng khắp nơi. Khi sắp hồi hương, Sư nghỉ lại Tứ Minh, sắp xuống thuyền, Quận Thủ Tiên Duy Trị nghênh đón xin hỏi tâm yếu, xin thọ Bồ Tát giới. Đạo tục hướng về quy ngưỡng đông đảo, Quận Thủ tha thiết thỉnh cầu, nên Ngài ở lại Trung Quốc. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư (979), ngài Pháp Trí (tôn giả Tứ Minh) theo học với Sư, lúc đó Sư đã năm mươi ba, còn Pháp Trí mới hai mươi. Ngôi chùa nơi Sư ở, thoát đầu gọi là Truyền Giáo Viện, mãi đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ bảy (982), mới được vua ban biển ngạch là Bảo Vân Tự. Đến năm Ung Hy nguyên niên (984), ngài Từ Vân mới theo học với Sư (lúc đó Sư đã năm mươi tám tuổi, Từ Vân hai mươi hai). Sư thường nói Tịnh Độ là quê cũ. Năm Đoan Cung nguyên niên (988), vào ngày Mười Một tháng Mười, Sư nằm bên hông hữu, an tường nhập diệt.

ở lại. Ngài Bảo Vân có hai đệ tử; hai người đệ tử ấy đều hết sức nổi tiếng trong Phật giáo sử Trung Quốc, một là tôn giả Tứ Minh, vị kia là Từ Vân Tuân Thức đại sư. Đối với tông Thiên Thai sau này, có thể nói là các Ngài là những vị đại pháp sư chủ yếu phục hưng tông Thiên Thai. Chúng tôi cũng tinh lược truyện ký các Ngài.

Lại xem đoạn kế tiếp là “trước thuật dụng ý”, [hãy đọc] dòng cuối cùng trong trang mười chín: “*Khởi hữu bất tri tu tâm diệu quán, cảm tứ Tịnh Độ văn nghĩa giả da?*” (Há có lẽ nào chẳng biết tu tâm diệu quán, mà cảm bốn cõi Tịnh Độ ư?). Trước hết, Ngài đặt ngược vấn đề. Há có lẽ nào mà có kẻ chẳng biết tu tâm, chẳng biết tu diệu quán, lại có thể vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ? Tây Phương có bốn loại Tịnh Độ: Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Phương Tiện Hữu Dur Độ và Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Câu nói này đã nêu khái quát: Bốn loại Tịnh Độ đều phải tu diệu quán. Cùng tu diệu quán như nhau, vì sao sanh trong các cõi khác nhau? Do công phu diệu quán của quý vị có cạn hay sâu khác biệt. Vì thế, bất luận tu phương pháp nào, công phu [đều có] cạn hay sâu. Nói theo kinh điển Tịnh Tông, sẽ là công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, và Lý nhất tâm bất loạn. Đó là phân chia đại lược. Nếu chia tỉ mỉ, trong mỗi loại lại có nhiều loại nhỏ khác biệt, nên mới [nói tổng quát là phẩm vị vãng sanh] có ba bậc chín phẩm.

Đoạn kế đó là Chánh Thị (正示), tức là giảng rõ ý nghĩa. “*Lương dĩ mãn vật tình thâm*” (Do lòng thương xót chúng sanh sâu đậm), “*vật*” (物) là tiếng gọi chung chúng sanh. Nếu nói “*người*”, sẽ chẳng bao gồm chư thiên, chẳng bao gồm súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Vì thế, dùng chữ *Vật* để bao quát tất cả hữu tình chúng sanh trong lục đạo. Đức Phật mở ra pháp môn này, không chỉ nhằm độ chúng ta, mà còn muốn độ chư thiên, cũng muốn độ ba ác đạo. Dầu là chúng sanh trong địa ngục, nhưng nếu họ có thể tin tưởng, có thể y giáo phụng hành, đều có thể vãng sanh. Có thể thấy pháp môn này xác thực là rộng lớn vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là các vị tổ sư đại đức đầy lòng bi mẫn đối với hết thảy chúng sanh. “*Thích thời trí xảo, cố đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn, vụ tại hạ phạm, phổ triêm duyên chủng*” (Trí xảo diệu nhằm thích ứng thời cơ, nên bàn nhiều về sự tướng, ít chỉ dạy quán tướng, chú trọng bọn phạm phu hạ căn, khiến cho họ được gieo duyên trọn khắp). Đây là nói về chuyện giảng kinh, thuyết pháp thông thường. Nhằm khế cơ, căn cơ của chúng sanh hèn kém, tầm nhìn ngắn ngủi, tham cầu lợi ích trước mắt, vẫn chẳng mong vãng sanh Tịnh Độ, vậy thì tạo pháp duyên cho họ là được rồi, chẳng cần phải nói sâu. Đó là “*đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn*”. Giới thiệu Phật pháp với người khác, xác thực là có phương tiện thiện xảo. Trước hết, phải làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, bằng lòng nghe, bằng lòng tiếp nhận, chẳng đến nỗi nghe một lần, lần sau chẳng tới nữa. Vì thế, phải dùng phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn họ. Đợi đến khi họ nhập môn, đã có một chút căn cơ rồi, lại nói lời thật với họ. Nếu trước tiên, vừa mở đầu, quý vị bảo họ niệm Phật vãng sanh chẳng dễ dàng, lần sau họ cũng chẳng đến nữa, [vì họ nghĩ]: “*Pháp môn này vô dụng, ta niệm suốt đời chẳng thể thành tựu, ta còn đến đây làm chi?*” Vì thế, trước hết, phải bảo họ [pháp môn này] rất dễ dàng, đến

khi họ cảm thấy dễ dàng, sau khi đã học được vài năm, lại bảo họ: “Pháp môn này cũng chẳng dễ dàng như quý vị tưởng tượng”. Nói lời thật với quý vị!

Do đó, chúng ta dạy người khác, quý vị thấy đó: Dạy quý vị thọ trì kinh pháp, chấp trì danh hiệu, trước tiên dạy quý vị niệm nhuần nhuyễn; đó là công phu bước đầu. Đã thấu triệt nhuần nhuyễn, lại dạy quý vị dùng phương pháp khuất phục phiền não, cũng tức là dùng phương pháp này khiến cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự của chúng ta thấy đều bị khuất phục. Có thể khuất phục [các phiền não], sẽ quyết định vãng sanh, [sanh vào] cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Khi đạt đến công phu ấy, lại bảo quý vị: “Vì sao quý vị chẳng muốn tiến thêm một bước nữa?” Tiến thêm một bước là Sự nhất tâm bất loạn, đoạn sạch phiền não, công phu càng thù thắng, phải nói tới Quán môn. Do đó, tu học và tu hành có thứ tự, tuy pháp môn này là đại pháp viên đốn, nó vẫn có thứ tự. Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hành bố chẳng ngại viên dung, viên dung chẳng ngại hành bố*”, Hành Bồ (行布) là [tu tập] theo thứ tự.

“*Phương kim gia vận, thịnh diễn viên thừa, mộ học chi đồ, giai dục đắc chỉ nhi tu chứng hỹ*” (Nay gặp vận tốt lành, sôi nổi diễn giảng giáo pháp viên đốn, những đồ đệ ham học đều muốn nắm được ý chỉ để tu chứng), đoạn này cho biết nhân duyên đã chín muồi. Nhân duyên chẳng chín muồi, sẽ chẳng thể nói; hễ chín muồi bèn có thể nói. “*Gia vận*” (嘉運) là một hội tốt đẹp, đây là một pháp hội thù thắng nhất. “*Viên thừa*” (圓乘) là viên đốn Nhất Thừa. Kinh này và kinh Vô Lượng Thọ đồng loại, cổ đức tán thán kinh Vô Lượng Thọ là “*viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn, là Đại Thừa của các pháp Đại Thừa, là Viên Giáo của Viên Giáo*”. Tán thán tới tột bậc! Kinh này đã là đồng loại với kinh ấy, đương nhiên cũng là pháp Nhất Thừa viên đốn. Có thể hâm mộ, mong tu học pháp môn này thì chẳng phải là căn khí tầm thường! Đúng như trong Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói, căn khí gì vậy? Cơ duyên thành Phật đã chín muồi, người này sẽ thành Phật trong một đời này, lỗi lạc thay! Trong hết thấy các căn khí, thành Phật là bậc nhất, còn cao hơn thành Bồ Tát. Người này muốn thành Phật trong một đời này, phải thành Phật thì mới có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta nói pháp môn này; do đó gọi là “*gia vận*”.

Trong lời chú giải có mấy câu viết rất hay. Ngài viết “*viên đốn sơ tâm*”, “*viên đốn*” là nói về căn tánh, xác thực là người căn tánh viên mãn đốn siêu, đó là căn tánh Bồ Tát. “*Hỷ văn viên nghĩa*” (Thích nghe giáo nghĩa viên đốn), người ấy nghe kinh, đọc kinh, thích đọc kinh điển Viên Giáo Đại Thừa, người ấy mới có thể thỏa mãn. “*Ngưỡng mộ Diệu Tông*”, vô cùng hâm mộ phương pháp tu học vi diệu thù thắng này. Thời tiết, nhân duyên chín muồi, tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên! Chúng ta nhìn từ chỗ này, chư Phật, Bồ Tát thương xót chúng sanh xác thực là chẳng có cách nào tưởng tượng được, chẳng biết còn vượt quá bao nhiêu lần tình cha mẹ yêu mến con cái. Lúc càng khổ nạn, càng dễ thấy. Chẳng phải là trong lúc khổ nạn thì cơ duyên chẳng chín muồi, mọi người vẫn tỉnh tỉnh mê mê, chẳng mong tiến cao hơn, nên Phật, Bồ Tát chẳng đến. Trong lúc đại kiếp nạn, khổ nạn xảy đến, người ta liền cảm nhận cuộc đời và kiếp người hết sức đau

khổ, mong mỗi giải thoát, mong mỗi rời khỏi hoàn cảnh này; khi ấy, cơ duyên chín muồi, Phật, Bồ Tát liền đến.

Trong toàn thể Phật pháp, Tịnh Tông là pháp môn thù thắng nhất. Nói thật ra, không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong cõi đời, mà hết thầy chư Phật đều xuất hiện trong cõi đời. Nếu quý vị hỏi các Ngài, các Ngài đến thế gian này để làm gì? [Các Ngài sẽ đồng thanh trả lời]: Độ chúng sanh thành Phật đạo. Các Ngài dùng phương pháp gì? Chẳng có vị nào không dùng phương pháp Niệm Phật, đều dùng phương pháp này; nên đây là pháp môn bậc nhất. Vì sao nói các pháp khác, nói kinh điển nhiều như vậy? Đó là vì thiện căn của chúng sanh chưa chín muồi, chưa thể tiếp nhận pháp môn này, nên mới giảng những pháp môn khác nhằm bồi dưỡng căn tánh của họ, khuyên dụ họ trở về pháp môn Niệm Phật; đó là Như Lai đã buốt lòng rất miệng lập bày phương cách. Nếu chư vị thâm nhập kinh tạng, sẽ có thể nhìn ra. Người Hoa có duyên với Phật pháp rất sâu, chư Phật, Bồ Tát hóa thân ở Trung Quốc hết sức nhiều; trong những nơi khác trên thế giới chưa hề nghe nói [có tình hình giống như vậy]. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát có lòng thiên vị, Phật, Bồ Tát chẳng hề thiên vị, mà là chúng sanh ở nơi ấy duyên đã chín muồi, các Ngài bèn thị hiện. Nhân duyên chưa chín muồi, hãy thông thả chờ đợi.

Trong thời đại này, so trong lịch sử Trung Quốc, thậm chí trong lịch sử cả thế giới, là thời kỳ thống khổ nhất, trong quá khứ chẳng hề gặp đại kiếp nạn như trong hiện tại, nên Phật, Bồ Tát cũng xuất hiện trong thời cận đại rất nhiều. Chúng ta biết tổ sư Ấn Quang là Tây Phương thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta biết điều này. Tổ Ấn Quang tán thán sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Ngài nói: “*Dẫu cổ Phật tái lai viết bản chú giải kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được*”. Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào mà được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán dường ấy? Nếu Ngài chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, tôi tin tưởng Ngài quyết định là Quán Âm Bồ Tát tái lai. Từ lời tán thán ấy, chúng ta có thể suy đoán đôi chút tin tức. Thời cận đại là lúc gặp kiếp nạn lớn nhất, Tịnh Tông chẳng dễ được kẻ khác tiếp nhận nhất! Không chỉ là người Hoa trong thời hiện đại chẳng chịu tiếp nhận, mà người ngoại quốc lại càng khó nói nữa. Do đó, cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện. Hạ lão cư sĩ là vị nào tái lai? Không ai biết! Quan sát từ nhiều dấu tích và phương diện, chúng tôi đoán vị này chẳng phải là Phật tái lai, cũng là bậc Bồ Tát từ Đẳng Giác trở lên, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Ngài xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Chính lý kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, hồng khiến cho trọn khắp chúng sanh trên thế giới đều hoan hỷ tiếp nhận, Ngài đến làm chuyện này. Cũng là vì kinh này được lưu thông tại Trung Quốc, bao nhiêu lần phiên dịch đều chẳng viên mãn cho lắm, chẳng có một bản nào viên mãn! Đây là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là người tầm thường!

Tôi đã hai lần nói với Hoàng lão cư sĩ, mong cụ viết truyện ký của thầy Hạ để chúng tôi lưu thông. Lần này, lão nhân gia bảo tôi: “Chưa được! Chưa đến lúc. Vì sao? Sợ là viết ra sẽ bị kẻ khác hủy báng”. Tôi ở Đại Lục quan sát đôi chút, quả đúng là thời tiết nhân duyên chưa chín muồi; nhưng bản kinh do thầy Hạ hội tập thịnh hành ở Đài Loan như vậy, cũng là chuyện tôi không ngờ đến. Chúng tôi

đề xướng kinh này mới ba, bốn năm, nghiêm nhiên hiện thời tại Đài Loan, từ Nam đến Bắc, người đọc tụng bộ kinh này đông ngàn ấy, người diễn giảng cũng nhiều, người ấn hành cũng lắm, đúng là hy hữu khó gặp! Đó là thời tiết nhân duyên chín muồi, rất khó thấy. Vì thế, Đài Loan là đảo báu, là phước địa, được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên gia trì, nơi này sẽ chẳng có tai nạn. Tục ngữ có nói “*hữu kinh vô hiểm*” tức là chẳng có đại kiếp nạn!

Kể đó là “*thuật sao sớ dĩ*” (nguyên do viết lời Sao), nêu rõ ý nghĩa Ngài viết chú giải lần này. “*Cổ kiệt bỉ tư, sao sớ thiên ngôn*” (Do đó, dốc cạn tâm tư thô lậu, viết lời Sao gồm mấy ngàn chữ), hai câu này là tôn giả Tứ Minh khiêm hư. Nói thật ra, tôn giả là bậc thông gia trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, vì chúng ta giảng kinh này, há còn tôn tâm tư gì? Chẳng tốn sức! Ở đây, Ngài nói “*cổ kiệt bỉ tư, sao sớ thiên ngôn*” là nói khách sáo. “*Thượng thuận diệu tông, lược tiêu thử sớ*” (Kính vâng theo tông chỉ mầu nhiệm, giải thích đại lược ý nghĩa trong bản sớ giải này), tùy thuận tông chỉ tu học vi diệu để giải thích bộ Sớ của Trí Giả đại sư. “*Thích thời chi xảo, phi ngã sở năng*” ([đó là do] Thời cơ khéo phù hợp, chẳng phải là sức tôi [có thể tạo thành như vậy]), càng khiêm hư hơn nữa! Có nghĩa là Ngài nói, thời tiết, nhân duyên phù hợp khéo léo, Tam Bảo gia trì, [nên bản Sớ Sao này được ra đời], chứ chẳng phải là năng lực của chính tôi. Lời này là nói khiêm tốn, nhưng thật ra cũng là lời thật. Nay chúng ta có thể nói, có thể nghe, hoan hỷ tin nhận, đều do thiện căn từ quá khứ hiện hành, nay được Tam Bảo gia trì, đúng là như vậy!

Kể đó là dụng ý thật sự của Ngài: “*Nguyện cộng hữu tình, tức tâm niệm Phật, nãi thử Sao sớ dĩ tác dã*” (Nguyện cùng các hữu tình dùng ngay cái tâm niệm Phật, đây chính là lý do viết lời Sao này). Dụng ý soạn bộ Sớ Sao này để lại cho thời ấy và mai sau của Ngài đã được nêu ra trong hai câu này. Bản thân Ngài đạt được lợi ích chân thật nơi bộ kinh này, sau khi đã đạt được, bèn hy vọng mọi người chúng ta ai nấy đều có thể đạt được. Nguyện cùng các hữu tình, ta cùng hết thảy hữu tình chúng sanh, dùng ngay cái tâm này để niệm Phật. Hãy chú ý! Chẳng phải là miệng niệm, chẳng phải là bảo quý vị niệm Phật đặng miệng, mà là niệm Phật bằng chính cái tâm. Miệng niệm Phật, trong tâm chẳng có Phật, vô dụng! Trong tâm có Phật, miệng chẳng niệm, vẫn hữu dụng, vẫn là hữu ích. Vì thế, khẩu yếu là nơi tâm, tâm mới là Diệu Tông, tu từ tâm là tu nơi căn bản. Chư vị phải biết, trong vọng tâm chẳng có Phật, trong vọng tâm có gì? Trong vọng tâm có ma. Ma là gì? Vui đập! Vọng tâm khổ lắm, quý vị dùng vọng tâm, chịu hết mọi nỗi đày đọa. Nếu quý vị dùng chân tâm, thanh tịnh tự tại. Bởi lẽ, chân tâm là Phật, tâm chúng ta niệm Phật là chân tâm; khởi tâm niệm Phật, tâm ấy là chân tâm. Ta khởi tâm niệm Bồ Tát, niệm La Hán, những tâm ấy chẳng phải là chân tâm, chẳng phải thuần chân. Đặc biệt là trong hết thảy chư Phật, khởi tâm niệm A Di Đà Phật chính là thuần đến mức tột bậc. Vì sao? Vì A Di Đà Phật là Bản Giác của chính chúng ta, là đại giác viên mãn rốt ráo. Tâm ấy và Phật hoàn toàn tương ứng, công đức lợi ích ấy bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng!

Đồng tu niệm Phật rất nhiều, nhưng người biết chân tướng sự thật chẳng nhiều! Nếu quý vị thật sự biết chân tướng sự thật này, sẽ rất hoan hỷ niệm Phật,

sẽ niệm Phật chẳng gián đoạn. Vì sao? Quả thật là “*một niệm tương ứng một niệm Phật*”. Trong khi quý vị niệm Phật, tâm là Phật, miệng là Phật, hạnh là Phật, ba nghiệp đã khế nhập cảnh giới nơi quả địa Như Lai, người ấy có thể chẳng niệm ư? Do đó, “*niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, chẳng niệm gì khác, những thứ khác, người ấy đều chẳng cần niệm. Vì sao? Niệm Phật, tất cả vô lượng vô biên pháp môn khác thay đều thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là nhiều, nhiều chính là một*”, “nhiều” là vô lượng vô biên pháp môn, “một” là A Di Đà Phật, vô lượng vô biên pháp môn đều quy vào A Di Đà Phật, nên vô lượng chính là một. Niệm một câu A Di Đà Phật, hết thấy các pháp môn đều tu học viên mãn; niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tất cả hết thấy các pháp môn đều viên tu, viên chứng, [do đó], một chính là vô lượng.

Cổ đức đã so sánh các giáo pháp trong một đời đức Thế Tôn. Các Ngài nói hết thấy các kinh, nay chúng ta gọi “hết thấy các kinh” là Đại Tạng Kinh, tức là đem toàn bộ kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm so sánh một phen, Hoa Nghiêm là bậc nhất. Cao tăng đại đức trong ngoài nước đều thừa nhận điều này. So sánh kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất. Vì sao? Nếu kinh Hoa Nghiêm chẳng đến cuối cùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, Hoa Nghiêm sẽ chẳng viên mãn, quy về Cực Lạc mới viên mãn. Kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối từng câu, từng chữ đều giảng về thế giới Cực Lạc, là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm, đương nhiên kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư đã chia kinh thành bốn mươi tám chương. Trong bốn mươi tám chương ấy, chương nào bậc nhất? Chương thứ sáu là bậc nhất. Chương thứ sáu là bốn mươi tám nguyện, do chính A Di Đà Phật tự nói. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị Phật thuyết pháp, phần kinh văn ấy do chính A Di Đà Phật tự nói. Bốn mươi tám nguyện là bậc nhất. Bốn mươi tám nguyện còn có bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Các vị tổ sư đại đức cũng công nhận như sau: Nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là gì? “*Mười niệm ắt vãng sanh*”, tức là quy vào một câu Phật hiệu. Vì lẽ đó, đến cuối cùng quý vị mới hiểu: Nguyên lai A Di Đà Phật là bậc nhất.

Nếu quý vị hỏi: A Di Đà Phật nghĩa là gì? Một bộ kinh Vô Lượng Thọ nhằm giải thích ý nghĩa A Di Đà Phật. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là chú giải của kinh Vô Lượng Thọ, mà cũng là thuyết minh căn cứ về A Di Đà Phật. Nếu nói chi tiết hơn một chút, sẽ là Đại Tạng Kinh; toàn bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng điều gì? Giảng về A Di Đà Phật, quý vị phải hiểu cho rõ! Nếu chưa hiểu rõ điều này, đúng là sẽ coi rẻ A Di Đà Phật. Vì thế, cổ đức so sánh từng tầng một, dần dần so sánh đến cuối cùng, mới phát hiện chót núi tốt cùng vốn là A Di Đà Phật, thống nhiếp vô lượng vô biên pháp môn. Vì vậy, năng niệm và sở niệm đều chẳng thể nghĩ bàn!

Trong lời Sao của ngài Tứ Minh, câu cuối cùng trong trang hai mươi một là: “*Phàm hữu tâm giả, giai đương tác Phật, tức tâm tức Phật, niệm Phật niệm tâm, tâm Phật bốn tự bất nhị, nãi sở dĩ tác thử sao dã*” (Phàm những ai có tâm sẽ đều làm Phật. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, niệm Phật là niệm tâm.

Tâm và Phật vốn tự chẳng hai. Đấy chính là lý do soạn bộ Sao này vậy). Mấy câu này của tôn giả Tứ Minh có thể nói là giải thích vô cùng thấu triệt. Trí Giả đại sư soạn Sớ, nhằm mục đích dạy chúng ta “*tức tâm niệm Phật*” (dùng ngay chính cái tâm này để niệm Phật), tâm là Phật, Phật là tâm. Hãy ghi nhớ: Cái tâm ấy là chân tâm, là cái tâm chẳng có vọng niệm. Tông chỉ tu hành của Thiền gia chẳng khác những điều đang được nói ở đây. Trong Ngũ Lục, hòa thượng Đại Châu vừa mở đầu liền nói “*người khéo tu thì tu từ căn bản*”. Căn bản là gì? Tâm là căn bản, cho nên phải dốc sức từ tâm địa; đó gọi là “*tu từ căn bản*”; nhưng phải dùng chân tâm, chớ nên dùng vọng tâm, đấy mới là tu hành thật sự. Vì vậy, phương pháp tu hành trong Thiền Tông là tham cứu, chẳng gọi là nghiên cứu. Hiện thời chúng ta thường nói: “Quý vị hãy nghiên cứu kỹ càng chuyện gì đó”, Thiền gia bảo quý vị hãy tham cứu, chẳng bảo hãy nghiên cứu! Vì sao? Nghiên cứu dùng suy nghĩ, xét đoán, mà suy nghĩ, xét đoán là thức thứ sáu, tức ý thức. Tham cứu chẳng cần suy nghĩ, xét đoán, không dùng tâm ý thức. Thức thứ sáu tức ý thức là phân biệt, thức thứ bảy tức Mạt Na là chấp trước, thức thứ tám tức A Lại Da là lưu lại ấn tượng. Chẳng cần tới ba thức ấy! Nói cách khác, chẳng phân biệt, không chấp trước, không lưu lại ấn tượng, mới gọi là tham cứu; tham cứu dùng chân tâm. Người thế gian dùng cái tâm phân biệt, dùng cái tâm chấp trước, ắt giữ lại ấn tượng, họ sử dụng tâm ý thức, [tức là] dùng vọng tâm, chẳng phải là chân tâm.

Đại Thừa Phật pháp đều dùng chân tâm. Tông Môn dùng chân tâm, Giáo Hạ cũng chẳng phải là ngoại lệ. Đối với Giáo Hạ, quý vị thấy trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta nguyên tắc tu học. Ngài dạy chúng ta, bất luận là đọc kinh hay nghe giảng, “*ly ngôn thuyết tướng*”, chẳng phân biệt, chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức; “*ly danh tự tướng*” tức là chẳng chấp trước, chẳng dùng thức thứ bảy; “*ly tâm duyên tướng*”, tức là đừng khởi vọng niệm, đừng suy nghĩ loạn xạ, cũng chẳng cần suy tưởng ý nghĩa trong kinh, quyết định chớ nên nghiên cứu, đừng dùng thức thứ tám. Vì thế, Giáo Hạ cũng là lìa tâm ý thức thì mới có thể đại khai viên giải. Trong Tịnh Độ Tông, nếu quý vị chẳng lìa tâm ý thức, cứ dùng tâm ý thức hoặc vọng tâm để niệm, vẫn được! Còn có thể vãng sanh. Chuyện này lạ lùng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng giống các pháp môn khác. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là dùng tám thức để niệm Phật vãng sanh, còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang là lìa tâm ý thức để niệm Phật vãng sanh, nên khác nhau! Vì thế, Tịnh Tông còn có cái hay: “Chẳng biết dùng chân tâm, vẫn có thể vãng sanh”; đó là lý do khiến cho chư Phật, Bồ Tát đặc biệt tán thán. Chính vì như thế, pháp môn này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, chúng sanh căn tánh thượng, trung, hạ đều đắc độ. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, lại lìa tâm ý thức, như vậy thì sẽ thuận tiện hơn, an toàn hơn, vì sao? Chẳng phải luân hồi trong lục đạo nữa, pháp môn này đặc biệt thuận tiện!

Phần lời tựa tới đây là kết thúc, đã giới thiệu viên mãn. Kế tiếp là “*nhập văn*” (入文), tức là [bước vào phần] chánh văn của Diệu Tông Sao. Chánh văn được mở đầu bằng năm tầng huyền nghĩa của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai giảng kinh hay chú giải đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: Trước hết, dùng năm

điều đại cương để giới thiệu đại ý của toàn bộ bản kinh; giới thiệu đại ý của cả bản kinh xong rồi mới giảng kinh văn. Do đó, phần Huyền Nghĩa hết sức quan trọng. Phương thức này xét theo Phật pháp, nói thật ra, chú giải Phật pháp có hai loại, tức là Luận gồm có hai loại lớn: Một loại là Tông Kinh Luận (宗經論), loại kia là Thích Kinh Luận (釋經論). Tông Kinh Luận là căn cứ trên kinh nghĩa (giáo nghĩa hoặc ý nghĩa chánh yếu trong kinh) để xiển dương, nêu tỏ, chẳng phải là giải thích kinh văn từng câu một. Bộ phận Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận. Đến khi bước vào phần chánh kinh để giải thích, giải thích từng câu kinh văn một thì là Thích Kinh Luận.

Trong các bộ đại luận của kinh Phật, Du Già Sư Địa Luận thuộc loại Tông Kinh Luận, chẳng phải là giải thích kinh văn từng câu một. Đại Trí Độ Luận là Thích Kinh Luận, giải thích kinh văn từng câu một. Tông Thiên Thai kết hợp hai loại ấy thành một, Tông Kinh Luận và Thích Kinh Luận đều có. Phần Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận. “*Thích kinh ngũ nghĩa, Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo Tướng, vân vân*” (Giải thích năm nghĩa trong kinh là Danh, Thể, Tông, Dụng và Giáo Tướng v.v...). Nay chúng ta nói “*vân vân*” là v.v... Ngài dùng năm hạng mục ấy, tức là dùng năm khoa để giới thiệu đại ý của cả bộ kinh. Chúng ta đem đọc lời Sao dưới đó một lượt. “*Sao vân*” (Sao rằng), Sao là lời giải thích của tôn giả Tứ Minh, Trí Giả đại sư giải thích rất đơn giản. “*Ngôn vân vân giả, linh y chư bộ, minh u thông thích ngũ chương chi nghĩa*” (Nói “*vân vân*” là dựa theo [thể lệ được sử dụng] trong các bộ [sách của ngài Thiên Thai Trí Giả], nói rõ: Sẽ giải thích ý nghĩa theo thể lệ thông thường gồm năm chương): Theo thể loại Ngũ Chương, tức là chia [phần Huyền Nghĩa] thành năm chương để giới thiệu đại ý của toàn thể bản kinh. “*Diệu Huyền vân*” (sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa có nói); Diệu là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Huyền là Huyền Nghĩa, [tác phẩm] Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa [của tổ Trí Giả] giải thích kinh Pháp Hoa, [trong phần giảng giải Huyền Nghĩa, đã chia thành năm phần] là Kinh Đề, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng và Giáo Tướng. Trí Giả đại sư giảng [phần Huyền Nghĩa phải mất] chín mươi ngày, đó là “*cửu tuần đàm diệu*” nổi tiếng của tông Thiên Thai. Điển cố ấy phát xuất từ chuyện này. Xét về kích thước, trong Đồ Thư Quán của chúng ta có [tác phẩm ấy], bản in bìa cứng dày như vậy, đại khái [bộ sách ấy] gồm có ba quyển giống như bộ Diệu Tông Sao quý vị đồng tu đang cầm trên tay. Ba quyển ấy nói gì vậy? Năm tạng Huyền Nghĩa của kinh Pháp Hoa, vẫn chưa giảng vào kinh văn. [Những điều do] Trí Giả đại sư giảng giải trong chín mươi ngày, được ghi lại thành ba quyển dày dường ấy. Đó là sách Diệu Huyền, là một bộ lớn trong Thiên Thai Tam Đại Bộ.

Bộ phận lớn thứ hai [trong Thiên Thai Tam Đại Bộ] là giảng kinh văn, kinh văn [được giảng giải] trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú. Vì thế, trong hai bộ phận lớn trên đây, bộ phận lớn phía trước, tức Diệu Huyền là Tông Kinh Luận của kinh Pháp Hoa, Văn Cú là Thích Kinh Luận của kinh Pháp Hoa; bộ còn lại là phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai, tức Ma Ha Chỉ Quán. Trước đây, người học Thiên Thai nhất định phải đọc thuộc lòng ba bộ sách lớn ấy. Chẳng thể đọc thuộc lòng, chẳng thể vào giảng đường của tông Thiên Thai! Nghe kinh trong giảng

đường Thiên Thai, ba bộ sách lớn ấy đều rất thuộc thì mới có tư cách bước vào giảng đường nghe giảng. Vì thế, trình độ học Phật xưa kia cao hơn chúng ta trong hiện thời rất nhiều. Hiện thời, mỗi người chúng ta đều cầm kinh bản, chiếu theo kinh bản để giảng. Trước kia, người ta chẳng có kinh bản như vậy, kinh sách chẳng có nhiều như vậy, thuật ấn loát chưa phát triển. Nhất là như trong thời đại Đường - Tống, chưa phát minh ra kỹ thuật ấn loát, sách đều là chép tay, há có nhiều như vậy? Tất cả mọi người đều học thuộc lòng, người giảng kinh rất thuộc, chẳng cần dùng kinh bản, người nghe kinh cũng học rất thuộc, cũng chẳng dùng kinh bản, [ai nấy] đều chẳng cần dùng kinh bản. Hiện thời, kỹ thuật ấn loát phát triển, ấn hành rất thuận tiện, mỗi cá nhân đều có thể có kinh bản, cầm kinh bản để nghe giảng. Nói thật ra, xét theo mức công phu chân chánh, chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân đều là đọc thuộc lòng, đều nhớ năm lòng. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.